

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
Trường THCS TRẦN QUỐC TUẤN
Tổ Ngữ văn

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN
KHỐI LỚP 7
TUẦN 30 (11/4 - 16/4/2022)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề Khối lớp 7	Dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy Dấu gạch ngang Ôn tập văn học Tìm hiểu chung về văn bản hành chính
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. Đọc và thực hiện yêu cầu 1,2 SGK/ 121,122. Đọc ghi nhớ 1 SGK/122 Đọc và thực hiện yêu cầu câu 1,2 SGK/122 Đọc ghi nhớ 2 SGK/122	<p style="text-align: center;">Tiếng Việt</p> <p style="text-align: center;">DẤU CHẤM LỬNG VÀ DẤU CHẤM PHẪY</p> <p>I. Tìm hiểu bài:</p> <p>1. Dấu chấm lửng: Xét VD SGK/121</p> <p>a. Quang Trung,.. → còn nhiều vị anh hùng chưa liệt kê hết</p> <p>b. -Bầm ...quan lớn...đê vỡ mất rồi! → lời nói ngắt quãng vì sợ</p> <p>c. viết trên...bưu thiếp → làm giãn nhịp điệu câu văn ,tạo sự bất ngờ. → Ghi nhớ 1 SGK/122</p> <p>2. Dấu chấm phẩy: Xét VD SGK/122</p> <p>a. Đánh dấu ranh giới 2 vế của một câu ghép</p> <p>b. Đánh dấu các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp</p> <p>→ Ghi nhớ 2 SGK/122</p>

Làm BT 1,2 SGK/123.

Thực hiện yêu cầu phần I SGK/ 129,130.

Đọc ghi nhớ 1 SGK/130

Thực hiện yêu cầu 1,2 SGK/ 130

Đọc ghi nhớ 2 SGK/130.

II.Luyện tập:

BT1SGK/123

- 1a. lời nói bị ngắt quãng
- b. biểu thị câu nói bị bỏ dở
- c. biểu thị liệt kê chưa đầy đủ

BT2 SGK/123

a,b,c→ngăn cách các vế của một câu ghép có quan hệ gần gũi về ý nghĩa.

Tiếng Việt
DẤU GẠCH NGANG

I. Công dụng của dấu gạch ngang

1. Ví dụ: sgk

a. Đẹp quá đi mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu.

-> Đánh dấu bộ phận giải thích

b. - Bấm, để có khi đê vỡ !

...

- Mặc kệ!

-> Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật

c. Dấu chấm lửng được dùng để:

- Tỏ ý ...

- Thể hiện ...

- Làm gián nhịp ...

-> Liệt kê công dụng của dấu chấm lửng

d. Va - Ren – Phan Bội Châu ...

-> Nối các từ nằm trong một liên danh

➔ Ghi nhớ 1 SGK/130

II.Phân biệt dấu gạch ngang với dấu gạch nối

Ví dụ: sgk

- Va - Ren, thầy Ha - Men, thủ đô Pa - Ri, Ph - Răng ...

***Nhận xét**

-> Nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng, ngắn hơn dấu gạch ngang

=> Dấu gạch nối

➔ Ghi nhớ 2 (sgk 130)

III.Luyện tập

Làm BT 1,2,3 sgk/130,131

- 1. Bài 1 (130):** Công dụng của dấu gạch ngang
- a. Đánh dấu bộ phận chú thích giải thích
 - b. Đánh dấu bộ phận chú thích giải thích
 - c. Dấu ngang đầu câu đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật. Dấu ngang giữa câu đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích
 - d. Nối các từ nằm trong một liên danh
 - e. Nối các từ nằm trong một liên danh

2. Bài 2 (131) Hãy nêu rõ công dụng của dấu gạch nối

- Các dấu gạch nối dùng để nối các tiếng trong tên riêng nước ngoài: Béc-lin; An-dat; Lo-ren

3. Bài 3(131) Đặt câu

- Thị Kính – nhân vật chín trong vở chèo “ Quan Âm Thị Kính” là người phụ nữ đức hạnh, thủy chung

- Liên hoa thanh niên tiên tiến năm nay có đông đủ đại diện học sinh Bắc- Trung – nam

Tập làm văn

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

I. Thế nào là văn bản hành chính

1. Tìm hiểu bài

a. Văn bản 1: Thông báo

- Khi cần truyền đạt thông tin từ cấp trên xuống cấp dưới hoặc thông tin cho nhiều người biết một vấn đề gì đó thì người ta dùng văn bản thông báo.

b. Văn bản 2: Giấy đề nghị

- Khi cần đề đạt một nguyện vọng chính đáng nào đó của cá nhân hay tập thể đối với cơ quan hay cá nhân có thẩm quyền giải quyết thì người ta dùng văn bản đề nghị.

c. Văn bản 3: Báo cáo

- Khi cần báo cáo một vấn đề gì đó từ cấp dưới lên cấp cao hơn thì người ta dùng văn bản báo cáo.

Đọc các văn bản 1,2,3 và trả lời các câu hỏi a,b,c,d SGK/ 107-110.

Độc ghi nhớ SGK/110

Làm BT SGK/ 110,111

**Độc và thực hiện yêu cầu
1,2,3,4,5,6 SGK/127,128**

*** Đặc điểm của các văn bản hành chính:**

- Giống nhau: Có tính khuôn mẫu
- Khác nhau: mục đích, nội dung, yêu cầu

→ Ghi nhớ: Sgk/110

II. Luyện tập

1. Bài 1/ 110: Tình huống viết văn bản hành chính và tên văn bản tương ứng

1. Thông báo
2. Báo cáo
3. Đơn xin nghỉ học
4. Đề nghị

- Trường hợp 3: Dùng phương thức biểu cảm
- Trường hợp 6: Dùng phương thức kể và tả

ÔN TẬP VĂN HỌC

I. Một số tác phẩm đã học

Học kì I: 20 vb

Học kì II: 7 vb

II. Một số thể thơ, truyện

1. Ca dao dân ca

- Thơ ca dân gian: là những bài thơ bài hát trữ tình dân gian do quần chúng nhân dân sáng tác, biểu diễn và truyền miệng từ đời này sang đời khác

2. Tục ngữ

- Là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh thể hiện những k/n của nhân dân về mọi mặt trong cuộc sống

3. Thơ trữ tình

- Một thể loại văn học phản ánh cuộc sống bằng cảm xúc trực tiếp của người sáng tác

- Thường có vần điệu, nhịp, ngôn ngữ cô đọng, mang tính cách điệu cao

* thơ trữ tình trung đại VN

- Đường luật: Thất ngôn, ngũ ngôn, bát cú, tứ tuyệt

- VN: lục bát, song thất lục bát, 4 tiếng học tập từ ca dao dân ca

* Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

- 4 câu, mỗi câu 7 tiếng

- Kết cấu: khai, thừa, chuyển, hợp

- Nhịp: 4/3; 2/2/3

- Vận chân

* Ngũ ngôn tứ tuyệt đường luật

- 4 câu, mỗi câu 5 tiếng

- Vận bằng, trắc

- Nhịp 3/2 hoặc 2/3

* Thất ngôn bát cú

- 8 câu mỗi câu 7 tiếng

- Vận bằng trắc, chân

- Kết cấu: đề, thực, luận, kết

- Luật: nhất tam tứ bất luận, nhị tứ lục phân minh

- Câu 3-4, 5-6 đối

* Thơ lục bát

- Thể thơ dân tộc kết cấu cặp, 1 câu 6, một câu 8

- Vận bằng, vận lưng

- Nhịp 2/2/2/2 hoặc 3/3 4/4 2/4/2

* Song thất lục bát

- 2 câu 7, 1 câu 6, 1 câu 8 -> một khổ

4. Truyện ngắn hiện đại

- Có thể ngắn, rất ngắn, dài, hơi dài

- kể linh hoạt, không gò bó, không hoàn toàn tuân theo trình tự thời gian, thay đổi ngôi kể, nhịp văn nhanh, kết thúc đột ngột

* Nghệ thuật: tương phản

Tăng cấp: thường đi cùng tương phản tăng dần về cường độ, chất lượng, tốc độ, số lượng, màu sắc, âm thanh

III. Những tình cảm, thái độ thể hiện trong các bài ca dao – dân ca

- Nhớ thương, kính yêu, than thân trách phận, buồn bã, hối tiếc, tự hào, biết ơn, châm biếm, hài hước, dí dỏm, đả kích

IV. Những kinh nghiệm của nhân dân được thể hiện trong tục ngữ

- Kinh nghiệm về thiên nhiên, thời tiết

	<ul style="list-style-type: none"> - kinh nghiệm về lao động, sản xuất - Kinh nghiệm về con người, xã hội <p>V. Giá trị tư tưởng, tình cảm trong các bài thơ đoạn thơ Việt Nam và Trung Quốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng yêu nước và tự hào dân tộc - ý chí bất khuất, kiên quyết đánh bại quân xâm lược - Tình yêu nhân dân, nỗi nhớ, mong quê, ngõ ngàng khi trở về, nhớ mẹ, nhớ thương bà - Ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên - Tình bạn chân thành, tình vợ chồng thủy chung sâu sắc <p>VI. Giá trị chủ yếu về tư tưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật của các tác phẩm văn xuôi đã học (trừ văn nghị luận)
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>Hoàn thành các bài tập Lập bảng tổng kết theo mẫu SGK/ 128.</p>